TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hiền

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị S-NĐ, sinh năm 1974. Cư trú: ấp RH, xã HN, huyện Phú Quốc, Kiên Giang. *(xin vắng mặt).*

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q-BĐ, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp CG, xã VKT, huyện An Minh, Kiên Giang. *(xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19-3-2019, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị S-NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Tôi và anh Q-BĐ sống chung với nhau vào khoảng tháng 6 năm 1988. Quá trình sống chung đến nay chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống

chung phát sinh mâu thuẩn nên chúng tôi ly thân, không sống chung nhau từ năm 2006 cho đến nay. Chúng tôi có 3 con chung tên: Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; Nguyễn Thị B, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1994. Các đứa lớn đã có gia đình riêng; đứa út đang sống chung với tôi. Về tài sản và nợ chung: Hiện nay chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi khởi kiện xin ly hôn với anh Q-BĐ. Về con đã trưởng thành nên không yêu cầu; về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu.

Bị đơn ông Q-BĐ trình bày như sau:

Tôi và chị S-NĐ sống chung với nhau vào khoảng tháng 6 năm 1988. Quá trình sống chung đến nay chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẩn nên chúng tôi ly thân và không sống chung nhau từ năm 2006 cho đến nay. Về con: chúng tôi có 3 con chung tên: Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; Nguyễn Thị B, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1994. Các đứa lớn đã có gia đình riêng; đứa út đang sống chung với vợ tôi (S-NĐ). Hiện nay chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung. Tôi cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đồng ý ly hôn với chị S-NĐ. Về con đã trưởng thành nên không yêu cầu; về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S-NĐ với ông Q-BĐ; con chung đã trưởng thành; tài sản và nợ không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn bà S-NĐ và Bị đơn ông Q-BĐ có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị S-NĐ và ông Nguyễn Văn Q-BĐ sống chung với nhau vào tháng 6 năm 1988 và sống chung từ đó đến khi ly thân vào năm 2006. Quá trình sống chung ông, bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, mặc dù bà S-NĐ, ông Q-BĐ sống chung trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng do ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng"* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Đối chiếu với quy định nêu trên, nay bà S-NĐ có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý vụ việc và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S-NĐ với ông Q-BĐ.

[3] Về con chung: con chung của ông, bà đã trưởng thành nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét

[5] Về án phí: Bà S-NĐ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị S-NĐ và ông Nguyễn Văn Q-BĐ.

2- Về con chung: con chung của ông, bà đã trưởng thành nên không xem xét.

3- Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị S-NĐ chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0006251 ngày 04-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, bà S-NĐ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công